

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TP
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2024/DS-ST
Ngày 02-8-2024
V/v tranh chấp “Bồi thường
thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP–TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Phong.
2. Ông Nguyễn Văn Sơn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương–Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai Ly– Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2024/TLST– DS ngày 05 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp “Bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2024/QĐST–DS ngày 15 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1954; Địa chỉ: ấp AK, xã AT, huyện TP, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị L: Anh Lê Văn Q, sinh năm 1986; Địa chỉ: ấp AK, xã AT, huyện TP, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Lương Văn Đ, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1970; Địa chỉ: ấp AK, xã AT, huyện TP, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Lương Văn Đ: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1970; Địa chỉ: ấp AK, xã AT, huyện TP, tỉnh Bến Tre.

Anh Q, bà P có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị L sử dụng thửa đất 75 tờ bản đồ số 22 tọa lạc ấp AK, xã AT, huyện TP, tỉnh Bến Tre. Thửa đất này giáp với thửa 31 tờ bản đồ số 21 tọa lạc ấp AK, xã AT, huyện TP, tỉnh Bến Tre do ông Lương Văn Đ đứng tên chủ sử dụng. Thửa đất 75 của bà L là vuông nuôi tôm thẻ, tôm sú, tôm càng và cua, nhưng nuôi theo hình thức quảng canh. Thửa đất 31 của ông Đ, bà P nuôi tôm công nghiệp. Bà L thả tôm, cua liên tục rồi thu hoạch theo từng đợt. Vào ngày 20/02/2024 ông Đ, bà P bơm bùn và nước thải từ ao nuôi công nghiệp của ông Đ, bà P qua vuông của bà L nên bà L có đến báo Ủy ban nhân dân xã AT biết. Cùng ngày Ủy ban nhân dân xã AT có đến lập biên bản sự việc. Trước khi xảy ra sự việc bà L có thả vài thiên tôm càng giống giá trị khoảng 2.000.000 đồng- 3.000.000 đồng và trong vuông vẫn còn một số tôm thẻ, tôm sú nhưng số lượng bao nhiêu thì bà L không biết. Khoảng 02-03 ngày sau thì trong vuông của bà L có chết một số tôm càng nhưng chỉ là số ít nên bà L không có báo chính quyền địa phương. Sau Đ, bà L có thu hoạch bằng cách xả nước trong vuông ra, bắt một số tôm, cua lớn để bán còn tôm, cua nhỏ thì vẫn để lại, số tiền thu hoạch khoảng 3.500.000 đồng – 4.000.000 đồng.

Việc bơm bùn và nước thải từ ao nuôi công nghiệp của ông Đ và bà P sang vuông của bà L với lượng nước thải bao nhiêu thì bà L không biết được nhưng làm ô nhiễm khoảng ½ vuông của bà L; số tôm, cua còn lại trong vuông cũng chết dần. Hiện bà L chưa cải tạo lại vuông, chưa thả tôm, cua lại được. Dự kiến số tiền cải tạo lại vuông khoảng 15.000.000 đồng.

Bà L yêu cầu ông Đ và bà P phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bà L các khoản như sau:

- Chi phí cải tạo vuông là 15.000.000 đồng.
- Do vuông nuôi tôm của bà bị ô nhiễm, bị trễ vụ mùa làm mất thu thập là 15.000.000 đồng.

Tổng cộng là 30.000.000 đồng.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông Đ và bà P phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bà L các khoản như sau:

- Chi phí cải tạo nước bị ô nhiễm là 10.000.000 đồng.
- Do vuông nuôi tôm của bà L bị ô nhiễm, bị trễ vụ mùa làm mất thu thập là 20.000.000 đồng.

Tổng cộng là 30.000.000 đồng. Bà L không yêu cầu gì thêm.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 25/4/2024 và trong quá trình tố tụng bị đơn Nguyễn Thị P đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lương Văn Đ trình bày:

Bà và ông Đ có sử dụng thửa đất 31 tờ bản đồ số 21 giáp với thửa đất 75 tờ

bản đồ số 22 của bà L, hai thửa đất có chung cái bờ đất, cái bờ đất là của bà, gia đình bà trồng cỏ trên bờ đất. Thửa đất của vợ chồng bà nuôi tôm công nghiệp khoảng 08-09 năm nay, còn thửa đất của bà L thì nuôi tôm càng. Khoảng tháng 01 năm 2024 âm lịch vợ chồng bà có bơm nước tưới cỏ nên nước chảy tràn qua ruộng của bà L nhưng không có gây thiệt hại gì cho bà L. Lại nước mà gia đình bà bơm tưới cỏ là nước từ ao nuôi công nghiệp mà gia đình bà thu hoạch tôm từ tháng 05 năm 2023 chứ không có bơm nước thải và bùn từ ao nuôi công nghiệp như lời trình bày của bà L. Trước Đ vợ chồng bà bơm nước trong một thời gian dài nhưng bà L không có ý kiến gì, đến ngày 20/02/2024 thì do sơ suất nên làm nước tràn qua ruộng của bà L. Khi Đ, bà L có báo anh Nhân là quản lý thị trường của xã và ông Còn là trưởng ấp đến có lập biên bản, vợ chồng bà có ký tên vào biên bản, bà L cũng có ký tên. Anh Nhân có nói vợ chồng bà không được tưới cỏ nữa nên vợ chồng bà không tưới cỏ nữa. Theo bà thì bà L có thả tôm càng nhưng số lượng bao nhiêu thì bà không biết. Khi ông Nhân và ông Còn đến lập biên bản thì bà có nhìn thấy ruộng của bà L nước bị đục khoảng 500m chạy theo bờ đất, diện tích nước còn lại thì vẫn bình thường, ngày 21/02/2024 thì bà L số ruộng bán được 180.000 đồng tôm sú, qua ngày sau thì bắt tôm càng bán được hơn 3.000.000 đồng. Sau Đ, Ủy ban nhân dân xã AT có mời các bên hoà giải, lúc hoà giải bà L có nói là tôm càng của bà L có chết vài con. Khi Đ bà L yêu cầu vợ chồng bà bồi thường 10.000.000 đồng nhưng bà không đồng ý nên hoà giải không thành. Lúc đầu, bà nghĩ tình nghĩa chòm xóm nên đồng ý khắc phục cho bà L 5.000.000 đồng để chấm dứt tranh chấp nhưng chị Lê Thị Vân là con của bà L không đồng ý. Do Đ, cuộc hoà giải không thành.

Bà không đồng ý bồi thường cho bà L, do vợ chồng bà không có gây thiệt hại cho bà L nhưng bà đồng ý hỗ trợ cho bà L số tiền 5.000.000 đồng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 26, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 584 Bộ luật Dân sự bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L. Ghi nhận bà P và ông Đ tự nguyện hỗ trợ cho bà L 5.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm” theo quy định tại khoản 6 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Lương Văn Đ và bà Nguyễn Thị P cư trú tại ấp AK, xã AT, huyện TP, tỉnh Bến Tre. Do Đ vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TP theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

- Theo bà L: Vào ngày 20/02/2024 ông Đ và bà P có bơm nước thải và bùn từ ao nuôi tôm công nghiệp của ông Đ, bà P sang ruộng của bà L với lượng nước thải bao nhiêu thì bà L không biết được nhưng nước thải làm ô nhiễm nước trong ruộng khoảng ½ ruộng của bà L làm ảnh hưởng đến việc nuôi tôm, cua của bà L. Bà L yêu cầu ông Đ và bà P phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bà L các khoản như sau: Chi phí cải tạo nước bị ô nhiễm là 10.000.000 đồng và tiền mất thu thập là 20.000.000 đồng.

- Theo bà P: Vợ chồng bà thừa nhận có bơm nước tưới cỏ nhưng do sơ suất làm cho nước tràn qua ruộng của bà L, Vợ chồng bà bơm nước chứ không có bơm bùn qua ruộng của bà L. Bà không đồng ý bồi thường cho bà L, do vợ chồng bà không có gây thiệt hại cho bà L. Bà tự nguyện hỗ trợ cho bà L số tiền 5.000.000 đồng.

[4] Căn cứ vào “Biên bản tranh chấp giữa hộ dân làm ảnh hưởng đến việc nuôi tôm” ngày 20/02/2024 và “Biên bản xác minh” ngày 02/7/2024 của Ủy ban nhân dân xã AT, huyện TP thì nguyên nhân xảy ra sự việc là do ông Đ, bà P bơm nước từ ao nuôi công nghiệp của ông Đ, bà P lên bờ đất trồng cỏ của ông Đ, bà P làm nước chảy tràn sang ruộng của bà L.

[5] Căn cứ quy định tại Điều 584 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 2 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thì trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh khi có đầy đủ các yếu tố sau đây:

“a) Có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản quyền, lợi ích hợp pháp của người khác:

b) Có thiệt hại xảy ra là thiệt hại về vật chất, thiệt hại về tinh thần:

c) Có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại xảy ra và hành vi xâm phạm. Thiệt hại xảy ra phải là kết quả tất yếu của hành vi xâm phạm và ngược lại hành vi xâm phạm là nguyên nhân gây ra thiệt hại.”

[6] Bà L cho rằng, hành vi bơm nước thải và bùn từ ao nuôi tôm công nghiệp của ông Đ, bà P sang ruộng của bà L làm ảnh hưởng đến việc nuôi trồng thủy sản nên bà L phải khắc phục nguồn nước với chi phí là 10.000.000 đồng và tiền mất

thu nhập là 20.000.000 đồng nhưng bà L không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh đã cải tạo ruộng với chi phí 10.000.000 đồng và cũng không chứng minh được số lượng tôm, cua chết cụ thể bao nhiêu ảnh hưởng đến việc bị mất thu nhập là 20.000.000 đồng. Trong quá trình tố tụng anh Q cho rằng: “...*Khoảng 02-03 ngày sau thì trong ao của mẹ anh có chết một số tôm càng nhưng chỉ là số ít nên mẹ anh không có báo chính quyền địa phương...*”. Đồng thời, bà L cũng không chứng minh được hành vi bơm nước của ông Đ, bà P là nguyên nhân trực tiếp làm cho tôm, cua trong ruộng quảng canh của bà L chết, bà L cũng không yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xét nghiệm nước để tìm ra nguyên nhân. Đối với các tài liệu do bà L cung cấp không chứng minh được hành vi của ông Đ, bà P đã gây thiệt hại cho bà với số tiền là 30.000.000 đồng. Do bà L không chứng minh được thiệt hại xảy ra nên không có căn cứ chấp nhận các yêu cầu của bà L. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà P đồng ý hỗ trợ cho bà L 5.000.000 đồng nên ghi nhận.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Bà Nguyễn Thị P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị L là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí. Ông Lương Văn Đ là thân nhân của liệt sĩ nên được miễn nộp án phí.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu ông Lương Văn Đ và bà Nguyễn Thị P phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bà Nguyễn Thị L số tiền là 30.000.000 đồng

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lương Văn Đ và bà Nguyễn Thị P hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị L số tiền là 5.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị P phải nộp là 125.000 đồng.
- Bà Nguyễn Thị L và ông Lương Văn Đ được miễn nộp án phí.
- Bà Nguyễn Thị L được Chi Cục Thi hành án dân sự huyện TP hoàn trả số tiền 750.000 đồng theo biên lai thu số 0000059 ngày 03/4/2024.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TP;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện TP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

Trần Thị Vân